

切削工具用CVDコーティングインサート材種記号一覧表

ISO使用分類記号		ドーマー プラメット	京セラ	サンドビック	住友電工	タンガロイ	三菱 マテリアル
大分類	記号						
P	P01	T9310	CS510	GC4305 GC4405	AC8015P AC810P ACP2000	T9205	MC6115
	P10	T9310 T9415	CA115P CA510 CA515	GC4305 GC4405 GC4415	AC8015P AC8020P AC810P	T9205 T9215	MC6115 MV1020
	P20	T9415 T9020 T9025	CA125P CA025P CA525	GC4415 GC4425 GC1515	AC8025P AC8020P XCU2500	T9215 T9225 T3225	MC6125 MV1020
	P30	T9025 T9335	CA125P CA025P CA525	GC2025 GC4425	AC8035P AC830P AC630M	T9225 T9235 T6130	MC6135 MV1030 F7030
	P40	T9335	CA530	GC4335 GC30	AC8035P AC830P AC630M	T9235 T6130	UH6400
M	M01						
	M10	T7325 T9415	CA6515	GC2015 GC1515	AC6020M	T9215	MC7015
	M20	T7325 T9415 T7335	CA6525	GC2220 GC2025 GC1515	AC6020M AC6030M ACM200	T6120 T9215 T3225	MC7025 F7030 MV1020
	M30	T9415 T7335	CA6535	GC235	AC6030M AC630M ACM200	T6130 T3225	US735 F7030 MV1030
	M40	T7335			ACM200		US735
K	K01	T5305	CA310 CA4505	GC3005 GC3210	AC4010K AC405K ACK2000	T505 T5105	MC5105
	K10	T5305 T5415 T9020	CA315 CA4505 CA4515	GC3005 GC3210 GC4405	AC4010K AC4015K XCK2000	T515 T5105 T5115	MC5115 XC5010 MV1020
	K20	T5415 T9020	CA320 CA4515 CA420M	GC3225 GC4425	AC4015K AC420K XCU2500	T515 T5115 T5125	MC5115 MC5020 MV1020
	K30			GC4425		T5125 T9215	MC5125 MV1030
	K40			GC30			
S	S01			S05F S205			MV9005 US905
	S10	T7325	CA6515		XCS2000		
	S20	T7335	CA6525		XCS2000		
	S30		CA6535	GC30			
H	H01						
	H10	T5305		GC4305 GC4405 GC4415			
	H20	T9315		GC4415			
	H30			GC30			